

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B10LV**
Mã MH/MĐ: **MH08286**
Tên MH/MĐ: **Thực tập tốt nghiệp**
Số TC: **8**

Năm học: **23-24**
Học kỳ: **02**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011205	Đặng Văn Bé	Ba	30/04/1989			9	8.0	8.0			8.0		8.1
2	2253801011206	Lê Bình	Chiến	10/04/1990			9	8.0	8.0			8.0		8.1
3	2253801011207	Trần Ngọc	Diên	17/01/1984			9	8.0	8.0			8.0		8.1
4	2253801011208	Nguyễn Hoàng	Giang	12/12/1993			8	9.0	9.0			9.0		8.9
5	2253801011209	Trần Nhật	Hào	17/10/1999			8	9.0	9.0			9.0		8.9
6	2253801011210	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	12/03/1987			9	9.0	9.0			9.0		9.0
7	2253801011211	Trần Công	Hậu	19/01/1991			8.5	7.5	7.5			7.5		7.6
8	2253801011212	Nguyễn Văn	Hết	18/04/1979			8.5	7.5	7.5			7.5		7.6
9	2253801011213	Kha Văn	Hòa	08/04/1971			8.5	7.5	7.5			7.5		7.6
10	2253801011214	Mai Thanh	Hoàng	01/01/1982			9	8.5	8.5			8.5		8.5
11	2253801011217	Huỳnh Văn	Khải	02/08/1992			9	8.5	8.5			8.5		8.5
12	2253801011218	Trần Thị	Liên	23/04/1992			8.5	9.0	9.0			9.0		9.0
13	2253801011219	Phan Thị	Liễu	10/01/1984			8.5	9.0	9.0			9.0		9.0
14	2253801011220	Nguyễn Huy	Long	02/03/1988			9	9.0	9.0			9.0		9.0
15	2253801011221	Trần Văn	Ngà	30/04/1989			9	8.5	8.5			8.5		8.5
16	2253801011222	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	28/12/1993			8.5	8.5	8.5			8.5		8.5
17	2253801011225	Lê Văn	Quý	21/09/1974			8.5	8.5	8.5			8.5		8.5
18	2253801011226	Trần Hữu	Sang	19/01/1989			8.5	8.5	8.5			8.5		8.5

Châu Đốc, ngày 23 tháng 10 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Từ Cao Thanh Hà